Chi tiết mã HS 9606.22.00

Mã HS	9606.22.00
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Khuy: / - - Bằng kim loại cơ bản, không bọc vật liệu dệt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 10:24:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96062200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18888
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18888
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18888
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18150
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18079
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18079
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18079
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18079
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18079
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18079
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18135
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18135
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18135

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18135
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18135
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18135
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18136
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18136
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18136
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18136
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18136
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18136
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F18141
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18098
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F18093
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G18093
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H18093
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I18093
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J18093
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K18093
VKFTA	2022	2022	5	VK!E18141
VKFTA	2023	2023	5	VK!F18141
VKFTA	2024	2024	5	VK!G18141
VKFTA	2025	2025	5	VK!H18141
VKFTA	2026	2026	5	VK!I18141
VKFTA	2027	2027	5	VK!J18141
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18205
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18205
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18205

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18205
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18205
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18205
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18179
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18179
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18179
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18179
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18179
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18179
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18172
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18172
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18172
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18172
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18172
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18172
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18202
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18202
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18202
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18202
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18202
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18202
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18201
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18201
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18201
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18201
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18201

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18201
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18295
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18295
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18295
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18295
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18295
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18295
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18295
RCEP A	2022	2022	23,3	RCEPT-A!D18166
RCEP A	2023	2023	21,7	RCEPT-A!E18166
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F18166
RCEP A	2025	2025	18,3	RCEPT-A!G18166
RCEP A	2026	2026	16,7	RCEPT-A!H18166
RCEP A	2027	2027	15	RCEPT-A!I18166
RCEP B	2022	2022	23,3	B!D18166
RCEP B	2023	2023	21,7	B!E18166
RCEP B	2024	2024	20	B!F18166
RCEP B	2025	2025	18,3	B!G18166
RCEP B	2026	2026	16,7	B!H18166
RCEP B	2027	2027	15	B!I18166
RCEP C	2022	2022	25	C!D18164
RCEP C	2023	2023	25	C!E18164
RCEP C	2024	2024	25	C!F18164
RCEP C	2025	2025	25	C!G18164
RCEP C	2026	2026	25	C!H18164
RCEP C	2027	2027	25	C!I18164

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D18163
RCEP D	2023	2023	25	D!E18163
RCEP D	2024	2024	25	D!F18163
RCEP D	2025	2025	25	D!G18163
RCEP D	2026	2026	25	D!H18163
RCEP D	2027	2027	25	D!I18163
RCEP E	2022	2022	25	E!D18168
RCEP E	2023	2023	25	E!E18168
RCEP E	2024	2024	25	E!F18168
RCEP E	2025	2025	25	E!G18168
RCEP E	2026	2026	25	E!H18168
RCEP E	2027	2027	25	E!I18168
RCEP F	2022	2022	23,3	F!D18166
RCEP F	2023	2023	21,7	F!E18166
RCEP F	2024	2024	20	F!F18166
RCEP F	2025	2025	18,3	F!G18166
RCEP F	2026	2026	16,7	F!H18166
RCEP F	2027	2027	15	F!I18166
VIFTA	2024	2024	22,5	VI!F17030
VIFTA	2025	2025	20	VI!G17030
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H17030
VIFTA	2027	2027	15	VI!I17030

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18888), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.